

Bản án số: 31/2020/KDTM-ST

Ngày: 14 - 7 - 2020

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Trần Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Kim Em;
2. Ông Nguyễn Hòa Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thơm – là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2020 tại Tòa án nhân dân Quận 7, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 26/2020/TLST-KDTM ngày 13 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2020/QĐXXST-KDTM ngày 03 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2020/QĐST-KDTM ngày 25 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Quỹ tín dụng nhân dân T; Địa chỉ trụ sở: Số A, Đường số B, phường Tân Quy, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Quỹ tín dụng nhân dân T: Ông Bùi Minh S, sinh năm 1986; Địa chỉ: Số C Đường số D, phường Tân Kiểng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh - Là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 234/UQ-QTD ngày 17/12/2019) (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Lê Tú G, sinh năm 1989; Địa chỉ: Số E đường G, Khu phố H, phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Tú N, sinh năm 1991; Địa chỉ: Số E đường G, Khu phố H, phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn tại đơn khởi kiện ngày 11/02/2020 (Công văn đến Tòa án ngày 12/02/2020), trong quá trình giải quyết và xét xử vụ án có ông Bùi Minh S là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 10/12/2018, bà Lê Tú G và Quỹ tín dụng nhân dân T (Sau đây gọi là Quỹ tín dụng) có ký kết Hợp đồng tín dụng kiêm đề nghị vay vốn và phương án sử dụng vốn số 1-0003052/HĐTD (sau đây gọi tắt là Hợp đồng tín dụng) để bà G vay số tiền là 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng; thời hạn vay 12 tháng; ngày đến hạn trả nợ là 10/12/2019, lãi suất thời điểm ký hợp đồng là 9,6%/năm; hình thức trả nợ vay: trả góp hàng tháng; mục đích sử dụng vốn: Bổ sung vốn buôn bán quần áo.

Căn cứ theo bảng kê các loại tiền chi ra ngày 10/12/2018 với số tiền là 30.000.000 đồng có chữ ký xác nhận của người nhận tiền là Lê Tú G; Giấy nhận nợ ngày 10/12/2018 và Phiếu chi ngày 10/12/2018 thì bà G đã nhận đủ tiền vay.

Quá trình thực hiện hợp đồng, định kỳ hàng tháng vào ngày giải ngân hợp đồng tín dụng (Ngày 10 dương lịch hàng tháng) bà G phải góp số tiền là 2.500.000 đồng, tiền lãi là 240.000 đồng và gửi một khoản tiền tiết kiệm là 300.000 đồng/tháng (Khoản tiền gửi này sẽ được hưởng lãi và được trả lại khi bị đơn thanh toán xong khoản nợ vay, hoặc sẽ căn trừ để trả số tiền gốc nếu bị đơn không thanh toán nợ cho nguyên đơn).

Kể từ ngày 31/07/2019, bà Lê Tú G vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Quỹ tín dụng như thỏa thuận và đến ngày 04/02/2020, Hợp đồng tín dụng của bà G đã quá hạn.

Quá trình vay, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền gốc là 16.808.000 đồng (Đã căn trừ tiền bà G gửi tiết kiệm và tiền lãi là 1.509.200 đồng) và đã trả số tiền lãi là 1.200.000 đồng.

Do vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng đã ký và Hợp đồng tín dụng đã quá hạn, Quỹ tín dụng đã thông báo cho bà Lê Tú G biết về việc Quỹ tín dụng sẽ tiến hành khởi kiện nhưng bà G vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo đúng quy định.

Tính đến ngày 14/7/2020, bà Lê Tú G còn nợ Quỹ tín dụng số tiền theo Hợp đồng tín dụng số 1-0003052/HĐTD là 19.367.800 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 15.990.800 đồng và tiền lãi là 3.377.000 đồng.

Do bà G vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng và hợp đồng tín dụng đã quá hạn, vì vậy Quỹ tín dụng đề nghị Tòa án nhân dân Quận 7 giải quyết: Buộc Quỹ tín dụng đề nghị Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử để buộc bà G phải trả cho Quỹ tín dụng tổng số tiền tạm tính đến

ngày 14/7/2020 là: 19.367.800 đồng, tiền lãi tiếp tục tính từ ngày 15/7/2020 theo lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng cho đến ngày bà G trả hết nợ, yêu cầu trả 01 lần ngay sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực.

Nguyên đơn xác định không yêu cầu bà Lê Tú N phải có trách nhiệm trả nợ căn cứ theo Giấy cam kết bảo lãnh về việc trả nợ vay ngày 04/12/2018 do bà Lê Tú N là người đứng ra bảo lãnh.

Về phía bị đơn bà Lê Tú G, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Tú N: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận 7 đã nhiều lần triệu tập bà G, bà Lê Tú N đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ kiện theo đúng quy định pháp luật nhưng bà G, bà Lê Tú N không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì, vắng mặt không có lý do, không có văn bản, ý kiến phản hồi mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án, tham gia phiên tòa.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Quận 7:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Nguyên đơn, người đại diện của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hợp đồng tín dụng đã ký thì thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn là tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại đơn khởi kiện nguyên đơn cung cấp địa chỉ cư trú hiện tại của bị đơn bà Lê Tú G là số E đường G, Khu phố H, phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo địa chỉ được bà G ghi trong Hợp đồng tín dụng số 1-0003052/HĐTD ngày 10/12/2018 và các văn bản khác ký kết với nguyên đơn đều thể hiện bà G thường trú tại địa chỉ số 247/7 Trần Xuân Soạn, Khu phố 3, phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo kết quả trả lời của Công an phường Tân Hưng, Quận 7 tại Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 27/2020/QĐ-CCTLCC ngày 17/02/2020

của Tòa án nhân dân Quận 7 thì đương sự Lê Tú G có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ nêu trên nhưng không còn cư ngụ tại địa phương, đi đâu không rõ từ 2018.

Vì vậy trong đơn khởi kiện nguyên đơn đã ghi đúng và đầy đủ địa chỉ nơi cư trú của bị đơn bà Lê Tú G. Nay bà G vắng mặt tại địa phương nhưng không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú mới theo quy định tại Khoản 3 Điều 40, Điểm b Khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ Điểm e Khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung.

[1.2] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền đã vay từ Hợp đồng tín dụng - Đây là “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” là loại tranh chấp được quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Đối với bị đơn bà Lê Tú G là trường hợp được coi là cố tình giấu địa chỉ, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Tú N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt: Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về chứng cứ và nghĩa vụ chứng minh: Tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn không có ý kiến phản hồi và không phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì, vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi. Căn cứ Khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì bà Lê Tú G đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa tham gia tố tụng, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án giải quyết vụ việc trên theo những chứng cứ có trong hồ sơ.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của đương sự:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền vốn và lãi tính đến ngày 14/7/2020 theo Hợp đồng tín dụng số 1-0003052/HĐTD ngày 10/12/2018 với số tiền là 19.367.800 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 15.990.800 đồng và tiền lãi là 3.377.000 đồng; Yêu cầu trả ngay một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra kể từ ngày 15/7/2020, bị đơn còn phải chịu tiền lãi theo mức

lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng đã ký cho đến khi thanh toán hết nợ. Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 1-0003052/HĐTD ngày 10/12/2018 được ký giữa Quỹ tín dụng nhân dân T và bà Lê Tú G, Giấy nhận nợ, Bảng kê nhận tiền ngày 10/12/2018 và các chứng cứ khác trong hồ sơ có cơ sở xác định bà Lê Tú G có đề nghị vay và đã được nguyên đơn chấp thuận cho vay và giải ngân đủ số tiền 30.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng bà G đã thanh toán được số tiền 14.009.200 đồng, từ tháng 5 năm 2019 thì ngưng không thanh toán nữa. Tính đến ngày 14/7/2020, bà G còn nợ Ngân hàng số tiền là: 19.367.800 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 15.990.800 đồng và tiền lãi là 3.377.000 đồng.

[3.2] Căn cứ theo các điều khoản ký kết trong Hợp đồng tín dụng số 1-0003052/HĐTD ngày 10/12/2018 thì bà G đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận của các bên về việc thanh toán nợ. Đến nay, bị đơn bà Lê Tú G đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ tính đến ngày 14/7/2020 số tiền là: 19.367.800 đồng, trong đó nợ gốc là 15.990.800 đồng, tiền lãi là 3.377.000 đồng là phù hợp với các điều khoản trong hợp đồng đã ký kết, phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 91, Khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng nên có cơ sở và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm bị đơn vẫn phải trả lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 1-0003052/HĐTD ngày 10/12/2018 cho đến khi trả hết nợ.

[3.3] Về thời hạn trả nợ: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền còn nợ một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên với yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên phía bị đơn phải chịu tiền án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là 3.000.000 đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã đóng theo quy định của pháp luật.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[6] Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 68; Khoản 4 Điều 91; Điều 92; Điều 147; Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 273 và Điều 357 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 91 và Khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Luật phí, lệ phí và Khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung 2014;

Xử:

1. Về hình thức: Xử vắng mặt bị đơn bà Lê Tú G và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Tú N.

2. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân T.

2.1. Buộc bà Lê Tú G phải thanh toán cho Quỹ tín dụng nhân dân T tổng số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số 1-0003052/HĐTD ngày 10/12/2018 tính đến ngày 14/7/2020 là 19.367.800 (Mười chín triệu ba trăm sáu mươi bảy ngàn tám trăm) đồng, trong đó: số tiền nợ gốc là 15.990.800 (Mười lăm triệu chín trăm chín mươi ngàn tám trăm) đồng và tiền lãi là 3.377.000 (Ba triệu ba trăm bảy mươi bảy ngàn) đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2.2. Kể từ ngày 15/7/2020, bà Lê Tú G còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 1-0003052/HĐTD ngày 10/12/2018 và các văn bản tín dụng cho đến khi thi hành án xong.

2.3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Bà Lê Tú G phải chịu 3.000.000 (Ba triệu) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Quỹ tín dụng nhân dân T không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, hoàn trả lại Quỹ tín dụng nhân dân T số tiền tạm ứng án phí đã đóng là 3.000.000 (Ba triệu) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0032225 và AA/2018/0032229 ngày 13/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, thời hiệu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 1, Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn Quý tín dụng nhân dân T được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn bà Lê Tú G và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Tú Lê Tú N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND TpHCM;
- VKSND Q7;
- Chi cục THADS Q7;
- Các đương sự;
- Lưu, hồ sơ (Thơm).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Trần Cảnh